

Số: 01 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2017/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 827/TTr-BKHĐT ngày 08 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

1. Giao các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 về thông tin và truyền thông, giáo dục, đào tạo và nhiệm vụ điều tra cơ bản cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương như đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 827/TTr-BKHĐT nêu trên. Các nhiệm vụ điều tra cơ bản được giao theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

2. Thông báo để các cơ quan đại diện chủ sở hữu biết, giao nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh năm 2018 cho các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước theo quy định.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương, các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước:

1. Giao các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 cho các đơn vị liên quan trước ngày 31 tháng 01 năm 2018.

2. Tổ chức thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 được giao theo Nghị quyết số 48/2017/QH14 của Quốc hội và Quyết định này.

3. Định kỳ hằng quý, gửi báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Hội đồng thành viên các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). 520



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục
CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-TTg ngày 01 tháng 01 năm 2018
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: %

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	6,7
2	Tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân (CPI)	Khoảng 4
3	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so GDP	33-34
4	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	88
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
5	Tỷ lệ che phủ rừng	Khoảng 41,6
	Bộ Công Thương	
6	Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu	8-10
7	Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu	Dưới 3
	Bộ Y tế	
8	Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) (giường bệnh)	26
9	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	Trên 88,5
	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	
10	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, trong đó: giảm tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo	1-1,5 4
11	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	Dưới 4
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo, trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có chứng chỉ công nhận đào tạo	58-60 23-23,5